

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc N; sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm 9, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S; sinh năm 1975.

Trú tại: Xóm 9, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Quốc N; sinh năm 1973, trú tại: Xóm 9, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An và chị Nguyễn Thị S; sinh năm 1975, trú tại Xóm 9, xã X, huyện N, Nghệ An.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc N và chị Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con Trần Quốc P - sinh ngày 15/02/1997 đã trưởng thành nên ở với ai do con quyết định. Anh Trần Quốc N và chị Nguyễn Thị S thống nhất giao con chung Trần Quốc H, sinh ngày 13/9/2008 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/1tháng (*hai triệu đồng*) kể từ tháng 8/2017 cho đến khi con trưởng

thành, đủ 18 tuổi. Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: anh Trần Quốc N và chị Nguyễn Thị S không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận, anh Trần Quốc N chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003386 ngày 08/5/2017. Anh N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND huyện N;
- UBND xã X, huyện N;
- Lưu HS, VP.

Lê Văn Phú